

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2025
“V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị S và
anh Ng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 11.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm XPh, xã HX, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Mai Văn Ng, sinh năm 1982; địa chỉ: xóm Xph, xã HX, tỉnh Ninh Bình.

(Chị S, anh Ng xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Mai Văn Ng đăng ký kết hôn ngày 30-11-2006 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định (nay là xã HX, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến nay, hai người đã sống ly thân được 07 năm và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị S đề nghị được ly hôn anh Ng.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 01-01-2009; cháu Mai Thị Th, sinh ngày 27-11-2011 và cháu Mai Tiến Đ, sinh ngày 15-6-2015, hiện nay 03 con chung đang ở với anh Ng. Khi ly hôn, do Thông xuyên phải đi làm xa không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con nên chị S để anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị S và anh Ng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị S sẽ tự thỏa thuận với anh Ng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến anh Mai Văn Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ng và chị S có quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân như chị S đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng đã không thuận, bất đồng quan điểm nên chị S làm đơn ly hôn anh Ng chiều theo ý chị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 01-01-2009; cháu Mai Thị Th, sinh ngày 27-11-2011 và cháu Mai Tiến Đ, sinh ngày 15-6-2015, hiện nay 03 con chung đang ở với anh Ng. Khi ly hôn, anh Ng vẫn chăm sóc con, không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Khi chị S về thăm con phải được sự đồng ý của anh Ng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Anh Ng sẽ tự thỏa thuận với chị S, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị S và anh Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị S và anh Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Mai Văn Ng kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình) ngày 30-11-2006. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Ng là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S thì thấy: Chị S và anh Ng đều thừa nhận quá trình chung sống do vợ chồng không hòa thuận và xảy ra bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn và sống ly thân. Chị S làm đơn xin ly hôn, anh Ng nhất trí, đồng thuận theo ý kiến của chị S. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ng và chị S đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Mai Văn Ng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị S và anh Mai Văn Ng đều có ý kiến khi ly hôn, anh Ng sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. Tại biên bản lấy lời khai, cháu H, cháu Th và cháu Đ đều có nguyện vọng ở với bố. Do vậy, cần chấp nhận ý kiến của chị S và anh Ng cũng như nguyện vọng của các cháu; giao 03 con chung là cháu Mai Thị H, cháu Mai Thị Th và cháu Mai Tiến Đ cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị S và anh Ng đều ý kiến sẽ tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị S phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị S và anh Mai Văn Ng.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Mai Thị H, sinh ngày 01-01-2009; cháu Mai Thị Th, sinh ngày 27-11-2011 và cháu Mai Tiến Đ, sinh ngày 15-6-2015 cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; việc cấp dưỡng nuôi con do chị S và anh Ng tự thỏa thuận. Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. (con chung đang ở với anh Ng).

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị S và anh Ng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001603 ngày 13-10-2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Ninh Bình; chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận:

- Cấp cho đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV11;;
- THADS;
- UBND xã Hải Xuân;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái